

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HIỆP THẠNH



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của CHỢ HIỆP THẠNH

Hiệp Thạnh, tháng 9 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HIỆP THẠNH



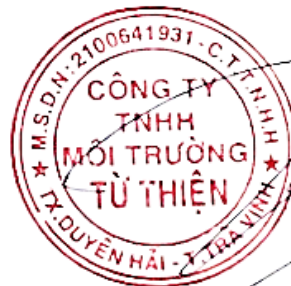
**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của CHỢ HIỆP THẠNH**

CHỦ CƠ SỞ
ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HIỆP THẠNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN



Lê Văn Khanh



Tử Chi Thiên

Hiệp Thạnh, tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.Tên chủ cơ sở	1
2.Tên cơ sở	1
3.Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	3
4.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	5
5.Các thông tin liên quan khác.....	5
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	8
1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	8
2.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	8
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	12
1.Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	12
2.Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	16
3.Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	17
4.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	18
5.Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	19
6.Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	19
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	21
1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	21
2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	22
3.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:	22
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23

1.Kết quả quan trắc môi trường nước thải	23
2.Kết quả quan trắc môi trường không khí	24
3.Kết quả quan trắc môi trường nước mặt	25
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	27
CỦA CƠ SỞ	27
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở	27
2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	27
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	28
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	30
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	30
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	31

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	BTCT	Bê tông cốt thép
19	CTRYT	Chất thải rắn y tế

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	6
Bảng 2. Điều kiện lấy mẫu nước mặt Sông Giăng.....	9
Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	10
Bảng 4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí	11
Bảng 5. Kết quả nước thải của chợ	14
Bảng 6. Danh mục thiết bị PCCC	20
Bảng 7. Kết quả nước thải của chợ	23
Bảng 8. Kết quả quan trắc môi trường không khí.....	24
Bảng 9. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	25
Bảng 10. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	28

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Sơ đồ vị trí Chợ Hiệp Thạnh.....	1
Hình 2.	Sơ đồ Chợ Hiệp Thạnh.....	2
Hình 3.	Hình ảnh hiện trạng Chợ Hiệp Thạnh.....	4
Hình 4.	Quy trình hoạt động tại cơ sở.....	4
Hình 5.	Nhân viên thu mẫu nước mặt tại Sông Giăng.....	10
Hình 6.	Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại.....	13
Hình 7.	Cấu tạo hầm tự hoại.....	13
Hình 8.	Hệ thống xử lý nước thải tập trung dự kiến.....	15
Hình 9.	Quy trình quản lý chất thải rắn thông thường tại chợ.....	17
Hình 10.	Nhân viên thu mẫu môi trường tại thời điểm lập báo cáo.....	26

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HIỆP THẠNH**
- Địa chỉ cơ sở: ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Lê Vũ Khanh
- Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh

2. Tên cơ sở

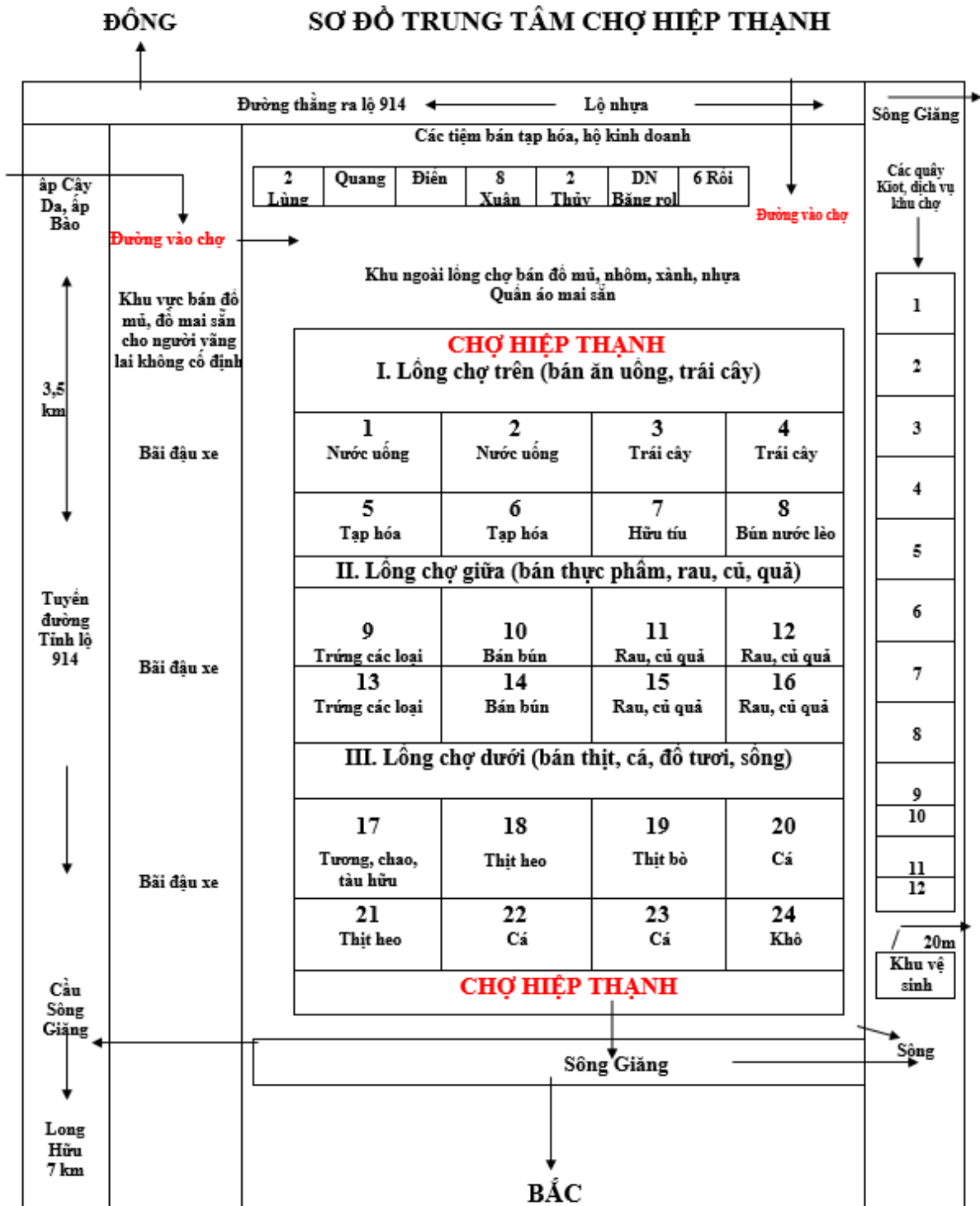
- Tên cơ sở: **Chợ Hiệp Thạnh**
- Địa điểm cơ sở: ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Cơ sở được thực hiện tại ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích là 9.922,1 m². Tứ cận tiếp giáp của cơ sở được mô tả như sau:

- + Phía Đông giáp với dãy lô 9 nền nhà đầu chợ trái cây của chợ
- + Phía Bắc giáp với đường nhựa Tỉnh lộ 914;
- + Phía Tây giáp với Sông Giăng;
- + Phía Nam giáp với đường nhựa nội bộ của Chợ, lô nhà bên hông lồng chợ trái cây.

Vị trí hoạt động của Chợ Hiệp Thạnh được thể hiện (ảnh vệ tinh) trong sơ đồ sau:



Hình 1. Sơ đồ vị trí Chợ Hiệp Thạnh



Hình 2. Sơ đồ Chợ Hiệp Thạnh

Từ khi đi vào hoạt động từ ngày 01/02/2000 đến nay, Chợ vẫn chưa lập thủ tục về môi trường do Ban quản lý chợ chưa tiếp cận đầy đủ các quy định trong việc lập các giấy phép môi trường.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về luật đầu tư công):

+ Căn cứ khoản 4 Điều 10 Luật đầu tư công và căn cứ mục IV phần C Phụ lục I phân loại dự án đầu tư công kèm theo Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ. Tổng mức đầu tư của chợ dưới 45 tỷ đồng, qua đó xác định cơ sở thuộc nhóm C.

+ Căn cứ mục 2, Phụ lục V nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở thuộc nhóm III.

+ Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Cơ sở đã hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực → Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Phòng tài nguyên và Môi trường xem xét và tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải cấp giấy phép môi trường.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thạnh phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “**Chợ Hiệp Thạnh**” để trình Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải phê duyệt.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Diện tích thực hiện cơ sở là 9.922,1 m² bao gồm các hạng mục công trình chính và phụ phục vụ cho hoạt động của các tiểu thương.

- Chợ Hiệp Thạnh là chợ loại 3 chủ yếu phục vụ nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân trong xã, phường và địa bàn phụ cận.

- Tổng số điểm tiểu thương kinh doanh tại chợ bao gồm:

+ Số lượng tiểu thương: 24 tiểu thương

+ Số lượng dân bán tự phát: 03 người

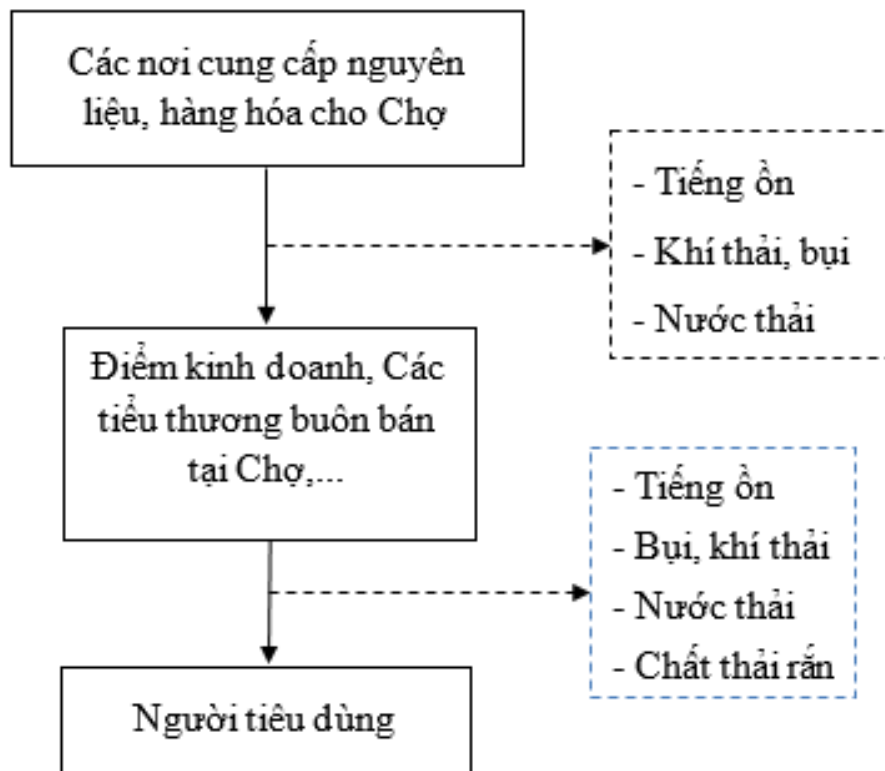
+ Số lượng Nhà lồng chợ: 02



Hình 3. Hình ảnh hiện trạng Chợ Hiệp Thành

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Quy trình thu mua, trao đổi hàng hóa tại Chợ bao gồm các công đoạn được thể hiện như sau:



Hình 4. Quy trình hoạt động tại cơ sở

Thuyết minh quy trình hoạt động tại cơ sở:

- Các tiểu thương sẽ thu mua các mặt hàng từ các nhà cung cấp trên địa bàn xã Hiệp Thành, các khu vực lân cận, thành phố Trà Vinh về bán lại cho người dân có nhu cầu.

- Việc vận chuyển hàng hóa từ các nhà cung cấp đến Chợ chủ yếu bằng phương tiện giao thông đường bộ và đường thủy như: Xe máy, xe tải, ghe, xuồng,... Các loại hàng hóa sau khi được nhập vào và lưu trữ tại các sạp kinh doanh sẽ được bán lại cho người tiêu dùng.

- Việc trao đổi buôn bán tại Chợ phải được thực hiện dưới sự quản lý và điều hành của BQL Chợ. Hàng hóa trong Chợ phải được bảo quản để đảm bảo hàng hóa bán cho người dân là sản phẩm còn tươi và an toàn. Các hàng hóa không tiêu thụ được, hoặc hết hạn sử dụng, sản phẩm bị hỏng,... sẽ được tiểu thương thu gom để tiến hành xử lý đúng quy định.

- Thời gian hoạt động của chợ bắt đầu từ bắt đầu từ 5h sáng đến 10h sáng hàng ngày.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là cung cấp các nguyên liệu, sản phẩm tươi, sạch, an toàn và đảm bảo vệ sinh thực phẩm cho người dân sinh sống xung quanh khu vực Chợ Hiệp Thạnh.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

- Do đặc điểm hoạt động của cơ sở là dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng để người dân trao đổi hàng hóa.

- **Nhu cầu về điện:** Chợ là nơi giao lưu hàng hóa, nên nguồn điện cung cấp cho Chợ chủ yếu cung cấp cho các thiết bị chiếu sáng và các thiết bị phục vụ kinh doanh tại chợ. Lượng điện tiêu thụ tại Chợ ước tính vào khoảng 150 kWh/tháng, nguồn điện được cung cấp từ hệ thống điện quốc gia.

- **Nhu cầu về nước:** Nước sạch cung cấp cho Chợ chủ yếu dùng để vệ sinh quầy sạp và nhu cầu sinh hoạt của người dân mua bán tại Chợ. Lưu lượng sử dụng khoảng 45 m³/tháng, được cung cấp từ đơn vị cung cấp nước trên địa bàn.

- **Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:** Chợ chỉ là nơi diễn ra các hoạt động dưới hình thức trao đổi hàng hóa giữa tiểu thương và người dân nên nhiên liệu tiêu thụ tại Chợ chỉ là xăng, dầu của các phương tiện giao thông ra vào khu vực Chợ. Tại đây không lưu trữ nhiên liệu.

5. Các thông tin liên quan khác

Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở hoạt động trên diện tích đất 9.922,1m². Các hạng mục công trình tại

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở **Chợ Hiệp Thành**

cơ sở được gồm: Nhà lồng chợ kết cấu móng BTCT, nền xi măng, mái tole.

- Các hạng mục công trình phụ trợ gồm: Sân đường, kết cấu: BTCT, hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, hệ thống PCCC.

Bảng 1. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Tên các hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)
1	Dãy quầy Kiot	01	744
2	Khu vực nhà lồng chợ	02	660,1
3	Khu vực sân bãi, đường nội bộ vào chợ	-	3.753,3
4	Khu vực chứa rác thải sinh hoạt của chợ	01	100
5	Khu vực bố trí phương tiện PCCC	01	50
6	Khu vực nhà vệ sinh	01	200
7	Sân chợ	-	4.414,70
Tổng cộng			9.922,1

Một số hình ảnh về các hạng mục, công trình của cơ sở:



Tổng quan các hạng mục công trình



Khu nhà lồng chợ



Khu nhà lồng chợ



Khu nhà vệ sinh

Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.

Vị trí thực hiện cơ sở tại ấp Cây Da, xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích là 9.922,1 m², thuận lợi trong giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Mặt khác Trà Vinh là một tỉnh thuộc Đồng Bằng Sông Cửu Long, là điểm sáng về thu hút đầu tư trong và ngoài nước, ngoài hệ thống giao thông thuận lợi, vì vậy đây là khu vực thuận lợi phát triển của Cơ sở.

Cơ sở đã được xây dựng trước đó nên không có giai đoạn xây dựng, góp phần giảm thiểu một phần các tác động môi trường.

Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân, cải thiện đời sống một lượng lớn nhân dân trong vùng, qua đó góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế vùng nông thôn.

Do vậy, việc thực hiện của “Chợ Hiệp Thạnh” là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cũng như chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Hiện tại, Chợ Hiệp Thạnh đang thực hiện xả nước thải vào sông Giăng, nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bởi hầm tự hoại, nước thải từ khu vực nhà lồng chợ và nước mưa chảy tràn được thu gom bởi hệ thống cống BTCT trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 02 m³/ngày đêm.

a) Đặc trưng nguồn nước thải và hoạt động xả nước thải:

- Các hoạt động phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt buôn bán của tiểu thương và nhân viên quản lý chợ. Với tổng lưu lượng là 01 m³/ngày.

+ Nước thải từ hoạt động kinh doanh của tiểu thương trong quá trình xử lý thực phẩm sống và vệ sinh khu vực buôn bán. Với tổng lưu lượng là 0,5 m³/ngày

b) Đặc trưng nguồn tiếp nhận nước thải:

- Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải:

Trên địa bàn xã Hiệp Thạnh có mạng lưới kênh thủy lợi dày đặc, chủ yếu là các kênh rạch để dẫn và tiêu thoát nước phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hoạt động sinh hoạt của người dân.

+ Tiếp giáp về phía Tây của cơ sở là Sông Giăng có chức năng chính của là dẫn nước và thoát nước thải trong khu vực.

+ Chọn Sông Giăng là nguồn tiếp nhận nước thải, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải phải nằm trong giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B). Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng nước biển ven bờ).

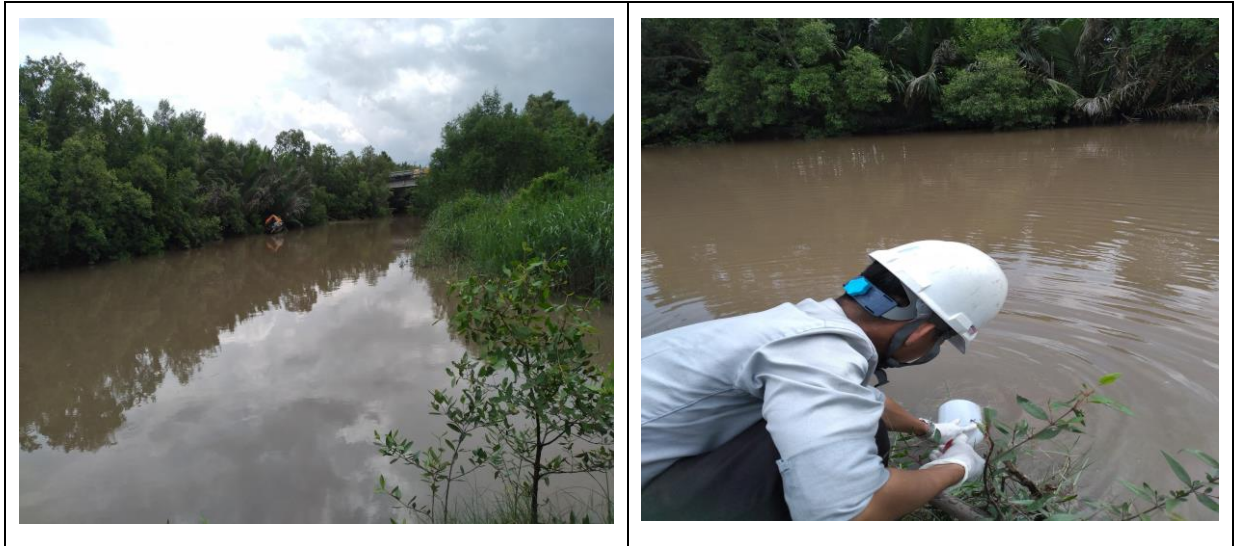
+ Do đó, việc xả thải của chợ vào Sông Giăng không ảnh hưởng đến lưu lượng, chất lượng cũng như mục đích sử dụng nguồn nước tiếp nhận.

+ Vị trí, thời gian và điều kiện lấy mẫu cụ thể như sau:

Bảng 2. Điều kiện lấy mẫu nước mặt Sông Giăng

STT	Ngày lấy mẫu	Điều kiện lấy mẫu
1	Mẫu 1: 18/8/2023 Vị trí: 01 mẫu nước mặt Sông Giăng	- Lấy mẫu lúc: 10 giờ 10 phút; - Điều kiện: Trời nắng, nước ròng; - Mẫu nước đục, ít cặn.

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)



Hình 5. Nhân viên thu mẫu nước mặt tại Sông Giăng

+ Kết quả thử nghiệm mẫu nước mặt như sau:

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
1	pH	-	6,74	6 – 8,5
2	TSS	mg/L	40,0	100
3	BOD₅	mg/L	16,3	6
4	NH₄⁺ (tính theo N)	mg/L	1,10	0,3
5	NO ₃ ⁻	mg/L	5,64	-
6	PO ₄ ³⁻	mg/L	0,858	-
7	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH	5,0
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	4.000	5.000

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ lục)

Nhận xét: Qua bảng kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước mặt Sông Giăng có chất lượng khá tốt, đa số các thông số nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và cột B Bảng 2). Riêng các thông số BOD₅, NH₄⁺ vượt nhẹ so với quy chuẩn.

- Như vậy, qua kết quả quan trắc có thể kết luận sơ bộ: Sông Giăng còn khả năng tiếp nhận nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và kinh doanh của Chợ Hiệp Thạnh.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Để đánh giá hiện trạng môi trường không khí khu vực hoạt động của Chợ, Ban quản lý phối hợp với đơn vị tư vấn lấy và thử nghiệm mẫu không khí Khu vực cách chợ khoảng 100m theo hướng gió, kết quả như sau:

- Thông số: Bụi, Tiếng ồn, NO₂, CO, SO₂.
- Ngày lấy mẫu: 16/8/2023
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ).

Bảng 4. Kết quả thử nghiệm mẫu không khí

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Bụi	mg/m ³	0,070	0,3	-
2	Tiếng ồn	dBA	62	-	70
3	CO	mg/m ³	5,50	30	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,062	0,2	-
5	SO ₂	mg/m ³	0,067	0,35	-

(Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ lục)

Nhận xét: Chất lượng môi trường không khí khu vực cách chợ khoảng 100m theo hướng gió có chất lượng tốt, tất cả các chỉ tiêu ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Vì thế, hoạt động của Chợ gây ảnh hưởng không đáng kể tới môi trường không khí.

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom và thoát nước mưa:

- Nước mưa chảy tràn phần mái nhà của cơ sở sẽ được thu gom chảy vào rãnh thoát nước bằng bê tông và chảy vào sông Giăng.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn:

+ Vệ sinh sân bãi, đường nội bộ. Tần suất thực hiện 01 lần/ngày.

+ Các loại chất thải rắn được tập kết đúng nơi quy định để hạn chế nguồn gây ô nhiễm cho nước mưa chảy tràn.

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

+ Tại cơ sở có 02 nhà vệ sinh gồm: 01 nhà vệ sinh nữ và 01 nhà vệ sinh nam.

+ Thể tích hầm tự hoại: 30 m³ có kích thước LxBxH: 5x3x2m.

+ Đường ống ngầm PVC D114.

+ Hố ga BTCT, đậy nắp BTCT.

+ Độ dốc của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt 0,25%, đảm bảo hướng thoát hướng về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

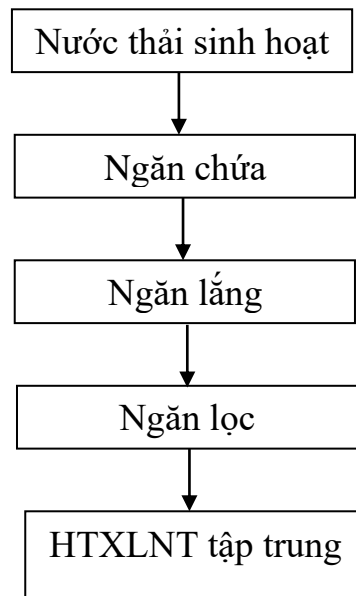
- Nước thải phát sinh từ quá trình kinh doanh của Chợ chủ yếu phát sinh tại khu vực kinh doanh thực phẩm tươi sống (sạp kinh doanh thịt, cá, ...), quá trình vệ sinh tại khu vực này và tại các sạp kinh doanh ăn uống, nước giải khát,... Được thải vào Sông Giăng bằng rãnh thoát nước xung quanh chợ với chiều dài đường ống 120 m, kích thước đường ống 100cm.

1.3 Xử lý nước thải

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh cần xử lý là 1,5 m³/ngày. Các công trình xử lý nước thải là.

Nước thải sinh hoạt

Quy trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đang được thực hiện như sau:



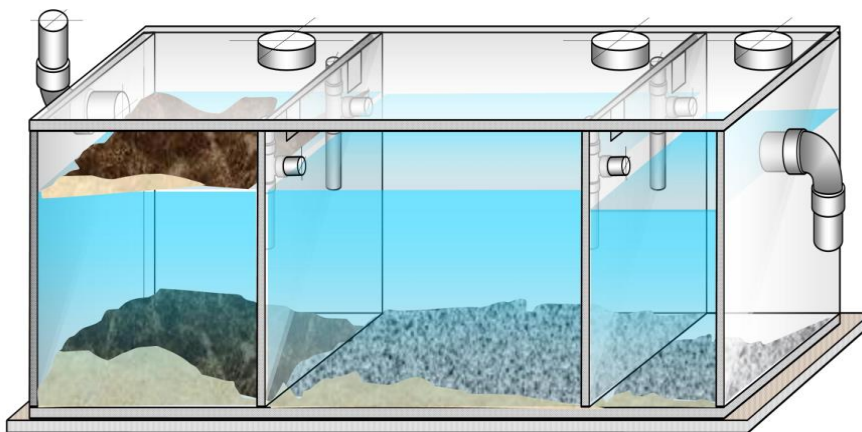
Hình 6. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng hầm tự hoại

***Thuyết minh quy trình**

Nước thải sinh hoạt được thu gom về hầm tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể như sau:

+ Ngăn đầu tiên có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải.

+ Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo,... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH_4 , CO_2 , H_2S , NH_3 ,...).



Hình 7. Cấu tạo hầm tự hoại

+ Nước thải tiếp tục chảy sang ngăn thứ ba để lọc toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải bằng sạn sỏi.

+ Nước thải sau ngăn lọc được chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

☞ **Đánh giá hiệu quả xử lý:** Phương pháp xử lý bằng hầm tự hoại phù hợp với tính chất đặc trưng của nước thải sinh hoạt. Đồng thời, để tăng khả năng xử lý của hầm tự hoại, Ban quản lý chợ phải thuê đơn vị có chức năng định kỳ thực hiện hút phân cặn lắng dưới đáy hầm tự hoại và xử lý theo đúng quy định.

Nước thải từ hoạt động kinh doanh, buôn bán

Tại thời điểm lập báo cáo nước thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh, buôn bán chưa được xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Cơ sở đã phối hợp với đơn vị có chức năng thu mẫu nước thải thử nghiệm kết quả được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 5. Kết quả nước thải của chợ

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	--	6,3	5-9
2	TSS	mg/L	84,5	120
3	BOD₅	mgO₂/L	110	60
4	NH₄⁺	mg/L	12,4	12
5	NO ₃ ⁻	mg/L	40	60
6	PO ₄ ³⁻	mg/L	8,6	12
7	S ²⁻	mg/L	1,2	4,8
8	Tổng dầu mỡ ĐTV	mg/L	8,5	24
9	Coliform	MPN/100mL	11.000	5.000

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

* **Ghi chú:** QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, (Cột B, K=1,2).

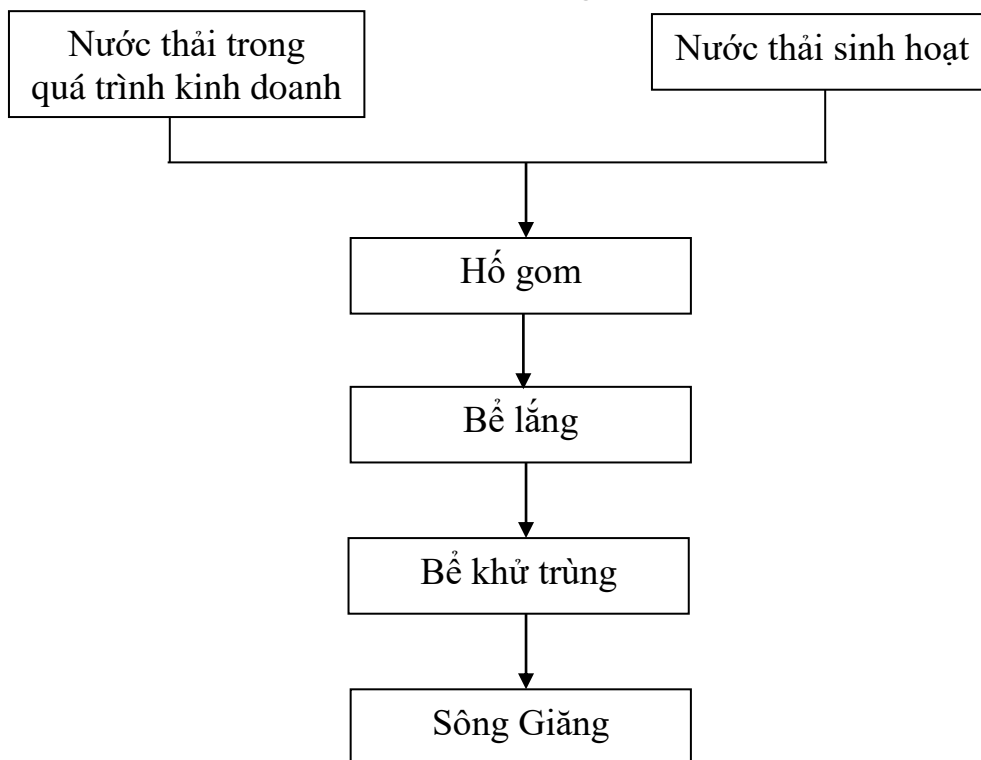
Nhận xét: Nước thải tại Chợ Hiệp Thạnh hiện tại chưa được xử lý khi thải ra môi trường, do đó qua kết quả phân tích thì chất lượng nước thải chỉ đạt 06/09 thông số so với QCVN 14:2008/BTNMT, (Cột B, K=1,2). Các chỉ tiêu vượt so với quy chuẩn gồm: BOD₅, NH₄⁺, Coliform gấp 0,5 – 2 lần.

Nước thải phát sinh chứa nồng độ các chất ô nhiễm cao, chưa được xử lý trước khi xả thải ra môi trường nước mặt Sông Giăng. Chủ cơ sở đề xuất bổ sung công trình, biện pháp xử lý nước thải:

Hiện tại, nước thải từ hoạt động kinh doanh của chợ chưa được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Chủ cơ sở lập kế hoạch đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung 02 m³/ngày đêm nhằm thu gom, xử lý triệt để lượng nước thải từ hoạt động kinh doanh để đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường nước mặt của Sông Giăng.

Việc lựa chọn công nghệ, phương pháp xử lý nước thải Chợ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như:

- Thành phần nước thải.
- Lưu lượng nước thải.
- Tiêu chuẩn áp dụng so sánh chất lượng nước thải sau xử lý.
- Tính kinh tế, diện tích đất sử dụng.



Hình 8. Hệ thống xử lý nước thải tập trung dự kiến

****Thuyết minh quy trình***

Nguyên lý hoạt động: Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ được thu gom và đi vào hệ thống xử lý như sau:

Hồ gom: nước thải trong quá trình kinh doanh và nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại được chảy về hồ gom để tiếp tục xử lý.

Bể lắng có nhiệm vụ lắng và tách bùn phát sinh trong quá trình xử lý sinh học. Bể được thiết kế đặc biệt tạo môi trường tĩnh cho bông bùn lắng xuống đáy.

Bể khử trùng: Bể khử trùng dùng chlorine nhằm tiêu diệt toàn bộ vi sinh vật gây hại cho con người, thời gian lưu nước trong bể là 30 phút đảm bảo khử trùng. Nước thải sau hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, (Cột B, K=1,2) trước khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận là Sông Giăng.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải của các phương tiện vận chuyển và mùi trong quá trình hoạt động của chợ như sau:

Khí thải của các phương tiện vận chuyển có thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO₂, CO,... Để giảm thiểu ô nhiễm gây ra do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, phương tiện đi lại Ban Quản lý chợ đã và sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- + Hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật và giữ vệ sinh sân đường nội bộ để hạn chế bụi phát sinh trong quá trình di chuyển của người dân;
- + Quy định tốc độ của phương tiện khi ra vào chợ, quy định vị trí dừng, đỗ xe;
- + Cấm các phương tiện lưu thông trong khu vực Chợ vào các giờ cao điểm;
- + Tuyên truyền, khuyến khích người dân đỗ xe vào đúng nơi quy định.
- + Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy chợ như: Quét dọn, làm vệ sinh sạch sẽ tại khu vực buôn bán nhằm hạn chế mùi từ rác thải, nước tồn đọng tại Chợ;
- + Thu gom rác thải trong ngày, tránh trường hợp tồn đọng rác thải, từ đó phát sinh mùi gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí và các hộ dân lân cận.
- Đường được bê tông hóa, giảm thiểu phát sinh bụi từ mặt đường khi có phương tiện di chuyển.
- Định kỳ vệ sinh sân và đường nội bộ với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Tăng cường công tác vệ sinh khu vực nhà vệ sinh, thùng chứa CTR.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Số lượng thiết bị, phương tiện thu gom và lưu chứa CTR thông thường được trang bị tại cơ sở cụ thể như sau: bố trí 06 thùng rác nhựa HDPE (loại thùng có thể tích 240L/thùng, có nắp đậy kín) xung quanh các nhà lồng.

3.2. Chứng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường

- Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trung bình tại khu vực Chợ khoảng 30 kg/ngày, gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn từ các loại bỏ thực phẩm hư.

3.3. Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường tại cơ sở

- Các biện pháp được áp dụng nhằm thu gom, quản lý và xử lý các loại chất thải rắn thông thường phát sinh tại Chợ được thực hiện như sau:

+ Ban quản lý chợ tiến hành kiểm tra việc thu gom và lưu giữ rác thải nhằm tránh trường hợp phát sinh lượng rác quá tải. Bên cạnh đó, Ban quản lý chợ phối hợp với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý đúng quy định.

+ Quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn:



Hình 9. Quy trình quản lý chất thải rắn thông thường tại chợ

➤ **Đánh giá hiệu quả xử lý:** Nhìn chung, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn đã và đang được áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của chợ,

đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải phát sinh, không tồn đọng hay gây mất vệ sinh môi trường.

Hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Nguyễn Gia thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom 02 lần/ngày.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí 01 thùng chứa chất thải nguy hại (có nắp đậy, đặt ở nơi có mái che, đảm bảo không rò rỉ), có dán nhãn theo đúng quy định.

- Do người dân chưa ý thức trong công tác phân loại chất thải, phần lớn CTNH được thu gom chung với chất thải rắn thông thường. Từ đó gây khó khăn cho công tác quản lý và xử lý chất thải tại khu vực chợ. Do đó, biện pháp quản lý CTNH được đề xuất như sau:

- Hướng dẫn tiêu thương, nhân viên Ban Quản lý chợ phân loại rác;
- Tuyên truyền ý thức về bảo vệ môi trường và tác hại của CTNH; nghiêm cấm xả chất thải nguy hại xuống sông;
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác phân loại, lưu trữ và xử lý chất thải nguy hại tại khu vực chợ;

Nhìn chung, các biện pháp quản lý và xử lý chất thải rắn được đề xuất phù hợp với điều kiện thực tế của chợ, dễ thực hiện, đảm bảo xử lý triệt để lượng chất thải phát sinh, không tồn đọng hay gây ô nhiễm môi trường đất, nước trong khu vực.

4.2. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Chủ cơ sở cam kết sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định khi số lượng đủ nhiều để chuyển giao chất thải nguy hại của cơ sở theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Chung loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

- Tại thời điểm lập báo cáo chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở các loại chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải (mã CTNH: 16 01 06) phát sinh chủ yếu từ khu vực nhà lồng Chợ, khối lượng phát sinh ước tính khoảng 02kg/năm.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tại Chợ tiếng ồn phát sinh chủ yếu vào buổi sáng (khoảng 5 giờ/ngày). Tuy nhiên để giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động do tiếng ồn gây ra, Ban quản lý Chợ sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Đặt ra các nội quy về hoạt động của từng khu vực cụ thể (giới hạn giờ giấc sinh hoạt) nhằm bảo đảm sự yên tĩnh cho các hộ dân ở khu vực dân cư xung quanh Chợ.

- Quy định tốc độ cho các phương tiện khi ra vào khu vực chợ; bố trí khu vực đỗ xe cho người dân;

- Hạn chế bấm còi xe trong khuôn viên chợ, đặc biệt là vào thời gian nghỉ ngơi của người dân hoặc sáng sớm;

b) Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Nhằm phòng ngừa và ứng phó kịp thời khi phát sinh sự cố cháy nổ, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu được áp dụng tại Chợ như sau:

- Thường xuyên và định kỳ kiểm tra, sửa chữa hệ thống điện nhằm phát hiện, sửa chữa kịp thời các thiết bị hư hỏng.

- Xây dựng nội quy nghiêm cấm các hộ tiểu thương thờ cúng, đốt vàng mã trong khu vực sạp kinh doanh.

- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố;

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của các hộ tiểu thương trong công tác phòng cháy chữa cháy: Nâng cao ý thức trong quá trình lưu trữ hàng hóa, sử dụng điện và các thiết bị điện phù hợp. Khuyến khích các hộ tiểu thương kinh doanh các mặt hàng dễ cháy trang bị thiết bị chữa cháy tại chỗ.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có chức năng để được tập huấn định kỳ các phương pháp PCCC, ứng phó khi phát sinh cháy nổ.

- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

- Vì vậy các máy móc thiết bị được trang bị chủ yếu phục vụ công tác PCCC tại khu vực nhà quản lý và hệ thống quản lý của chợ.

Bảng 6. Danh mục thiết bị PCCC

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng	Hiện trạng sử dụng
1	Bình chữa cháy CO ₂ 3kg	bình	04	100 %
2	Giá đỡ bình chữa cháy	cái	04	100%
3	Bảng nội quy và tiêu lệnh PCCC	bộ	02	80 %

(Nguồn: Ban quản lý Chợ Hiệp Thạnh, 2023)

6.2. An ninh trật tự và an toàn giao thông

Nhằm đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông, Ban quản lý Chợ đã và đang áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sau:

- Xây dựng nội quy hoạt động của chợ và niêm yết tại các vị trí dễ thấy nhằm đảm bảo quá trình hoạt động của Chợ được an toàn - văn minh - hiệu quả.

- Lập đội trật tự chịu trách nhiệm như:

+ Tuần tra thường xuyên khu vực chợ nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng trộm, cướp hoặc gây rối trật tự;

+ Phát hiện và giải quyết kịp thời các hộ kinh doanh tự phát gây mất trật tự hoặc lấn chiếm lòng đường, gây cản trở, ùn tắc giao thông khu vực chợ;

+ Điều tiết giao thông trong các giờ cao điểm hoặc khi có các phương tiện vận chuyển tải trọng lớn ra vào chợ.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh:
- + Nước thải sinh hoạt của tiểu thương.
- + Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động kinh doanh của chợ.
- Lưu lượng xả thải tối đa: 1,5 m³/ngày.đêm
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý tại khu vực thoát nước thải của Chợ Hiệp Thạnh.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Số lượng các chất ô nhiễm và nồng độ các chất ô nhiễm đạt QCVN 14:2008/BTNMT, (cột B, K=1,2) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Vì vậy, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của cơ sở được trình bày chi tiết ở bảng sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B, K=1,2
1	pH	--	5,5 – 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	60
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8
5	Amoni (Tính theo N)	mg/L	12
6	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	60
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	12
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	24
9	Coliforms	MPN/100mL	5.000

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Giăng

- Vị trí xả nước thải: Tọa độ: X=107 7092, Y= 614 546 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt ven bờ.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

Nguồn phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động của Chợ Thạnh là nguồn di động, không liên tục và mức độ tác động không đáng kể. Do đó nội dung báo cáo không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn:

Nguồn phát sinh tiếng ồn trong quá trình hoạt động của Chợ Hiệp Thạnh là nguồn di động, không liên tục và mức độ tác động không đáng kể. Do đó nội dung báo cáo không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn.

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Ban quản lý Chợ Hiệp Thạnh phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) và Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC thực hiện quan trắc chất lượng môi trường nước thải, nước mặt, không khí cụ thể như sau:

- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

+ Địa chỉ: số 115, đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo của cơ sở cụ thể như sau:

1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

Bảng 7. Kết quả nước thải của chợ

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1	pH	--	6,3	5-9
2	TSS	mg/L	84,5	120
3	BOD₅	mgO₂/L	110	60
4	NH₄⁺	mg/L	12,4	12
5	NO ₃ ⁻	mg/L	40	60
6	PO ₄ ³⁻	mg/L	8,6	12
7	S ²⁻	mg/L	1,2	4,8
8	Tổng dầu mỡ ĐTV	mg/L	8,5	24
9	Coliform	MPN/100mL	11.000	5.000

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

* **Ghi chú:** QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, (Cột B, K=1,2).

Nhận xét: Nước thải tại Chợ Hiệp Thạnh hiện tại chưa được xử lý khi thải ra môi trường, do đó qua kết quả phân tích thì chất lượng nước thải chỉ đạt 06/09 thông số so với QCVN 14:2008/BTNMT, (Cột B, K=1,2). Các chỉ tiêu vượt so với quy chuẩn gồm: BOD₅, NH₄⁺, Coliform gấp 0,5 – 2 lần.

2. Kết quả quan trắc môi trường không khí

- Vị trí quan trắc:
- + Không khí khuôn viên nhà lồng chợ (KK1)
- + Khu vực cách chợ khoảng 100m theo hướng gió (KK2)
- Ngày lấy mẫu: 16/8/2023
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.
- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Bảng 8. Kết quả quan trắc môi trường không khí

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
			KK1	KK2		
1	Tiếng ồn	dBA	69,5	62	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,075	0,070	0,3	-
3	SO ₂	mg/m ³	0,068	0,067	0,35	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,060	0,062	0,2	-
5	CO	mg/m ³	5,24	5,5	30	-

Nguồn: Phiếu kết quả đính kèm phụ lục báo cáo

* **Ghi chú:**

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp

dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

- QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

* **Nhận xét:** Môi trường không khí tại các vị trí quan trắc có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

3. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt

Kết quả quan trắc môi trường nước mặt khu vực Sông Giăng được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 9. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
1	pH	-	6,74	6 – 8,5
2	TSS	mg/L	40,0	100
3	BOD ₅	mg/L	16,3	6
4	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	1,10	0,3
5	NO ₃ ⁻	mg/L	5,64	-
6	PO ₄ ³⁻	mg/L	0,858	-
7	Tổng dầu mỡ	mg/L	KPH	5,0
8	Tổng Coliforms	MPN/100mL	4.000	5.000

(Nguồn: Các phiếu kết quả thử nghiệm đính kèm Phụ lục)

Nhận xét: Qua bảng kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước mặt Sông Giăng có chất lượng khá tốt, đa số các thông số nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 1 và cột B Bảng 2). Riêng các thông số BOD₅, NH₄⁺ vượt nhẹ so với quy chuẩn.



Hình 10. Nhân viên thu mẫu môi trường tại thời điểm lập báo cáo

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở

Căn cứ theo khoản 4 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Cơ sở thu mua thủy sản Khánh Thảo phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

Thời gian bắt đầu và kết thúc vận hành thử nghiệm theo quy định Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ Công văn số 964/KSONMT-CN&NH ngày 11/4/2023 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc hướng dẫn thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải; Phụ lục II và XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Chợ Hiệp Thạnh không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Căn cứ theo Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Căn cứ theo kết quả đánh giá, dự báo các nguồn thải phát sinh từ Chợ Hiệp Thạnh, thì cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

a) Quan trắc môi trường không khí

- Vị trí quan trắc: Khu vực khuôn viên nhà lồng Chợ
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

b) Quan trắc môi trường nước thải

- Vị trí quan trắc: Nước thải tại đầu ra tại khu vực của chợ
- Tần suất: 06 tháng/lần
- Thông số: pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺-N, NO₃⁻-N, PO₄³⁻-P, H₂S, Dầu mỡ động thực vật, Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, K=1,2.

c) Quan trắc môi trường nước mặt

- Vị trí quan trắc: Nước mặt Sông Giăng
- Tần suất: 06 tháng/lần
- Thông số: pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺-N, Tổng Phospho, Tổng Nitơ, Tổng dầu mỡ, Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Cột B.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc của Ban quản lý Chợ Hiệp Thành và đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại cơ sở được dự toán cụ thể như sau:

Bảng 10. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thu mẫu không khí				4.581.072
1	Tiếng ồn	Mẫu	2	127.110	254.220
2	Bụi	Mẫu	2	262.620	525.240
3	NO ₂	Mẫu	2	440.948	881.896
4	SO ₂	Mẫu	2	895.978	1.791.956
5	CO	Mẫu	2	563.880	1.127.760

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở **Chợ Hiệp Thành**

II	<i>Thu mẫu nước thải</i>				5.485.848
1	pH	mẫu	2	63.567	127.134
2	TSS	mẫu	2	219.403	438.806
3	BOD ₅	mẫu	2	184.232	368.464
4	NH ₄ ⁺ -N	mẫu	2	189.193	378.386
5	NO ₃ ⁻ -N	mẫu	2	317.654	635.308
6	PO ₄ ³⁻ -P	mẫu	2	271.234	542.468
7	H ₂ S	mẫu	2	212.872	425.744
8	Dầu mỡ động thực vật	mẫu	2	467.926	935.852
9	Tổng Coliforms	mẫu	2	816.843	1.633.686
III	<i>Thu mẫu nước mặt</i>				4.850.248
1	pH	mẫu	2	82.749	165.498
2	TSS	mẫu	2	140.373	280.746
3	BOD ₅	mẫu	2	183.155	366.310
4	NH ₄ ⁺ -N	mẫu	2	174.419	348.838
5	Tổng Phosphot	mẫu	2	254.087	508.174
6	Tổng Nito	mẫu	2	346.226	692.452
7	Tổng dầu mỡ	mẫu	2	389.769	779.538
8	Tổng Coliforms	mẫu	2	854.346	1.708.692
IV	<i>Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm</i>				6.000.000
Tổng cộng					20.917.168

**Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đến nay, Chợ Hiệp Thạnh chưa tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Ban Quản lý Chợ Hiệp Thạnh cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường tại Cơ sở thu mua thủy sản Khánh Thảo.

- Cam kết đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của chợ nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là Sông Giăng.

+ Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, đảm bảo nước mưa không bị ô nhiễm và xả thải trực tiếp ra môi trường.

+ Đối với các nguồn phát sinh tiếng ồn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn.

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

+ Đối với chất thải rắn (chất thải thông thường và chất thải nguy hại): Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải tại nguồn, thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Đối với chương trình quan trắc môi trường đã đề xuất: Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường và có chế độ báo cáo về cơ quan quản lý theo đúng quy định.

PHỤ LỤC

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Kiện toàn Ban quản lý chợ Hiệp Thạnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về việc Phát triển và quản lý chợ và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 06/2003/TT-BTM ngày 15/8/2003 của Bộ Thương mại về việc Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ban Quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11/7/2003 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban Quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ;

Căn cứ Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư và phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 23/02/2023 của UBND xã Hiệp Thạnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban quản lý chợ Hiệp Thạnh, gồm các ông, bà có tên sau:

1. Ông Lê Vũ Khanh, Phó Chủ tịch UBND xã Hiệp Thạnh - Trưởng ban;

2. Bà Phạm Thanh Thoảng, Công chức Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường xã phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp, Môi trường - Phó Trưởng ban;

*** Các thành viên gồm:**

3. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn, Công chức Tài chính - Kế toán xã;
4. Ông Nguyễn Trương Hoàng Quân, Công chức Địa chính - Xây dựng xã phụ trách lĩnh vực Địa chính;
5. Ông Trần Hoàng Nam, Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã;
6. Ông Trần Tấn Thuận, Phó Trưởng Công an xã;
7. Ông Nguyễn Văn Hòa, Công chức Văn hóa - Xã hội xã;
8. Ông Huỳnh Vũ Phương, Phó Chỉ huy trưởng BCHQS xã;
9. Ông Nguyễn Minh Hôn, Trưởng ban nhân dân ấp Cây Da;
10. Ông Trần Hoàng Giang, Công an viên ấp Cây Da;
11. Bà Phạm Thị Ngọc Mận, Chuyên trách quản lý chợ.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của Ban quản lý chợ Hiệp Thạnh:

- Đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn thực phẩm trong phạm vi chợ;

- Tổ chức kinh doanh, phát triển các dịch vụ hỗ trợ như: Trông giữ phương tiện vận chuyên, bốc xếp hàng hóa, cho thuê kho bảo quản giữ hàng hóa, cung cấp thông tin thị trường, kiểm định số lượng, chất lượng hàng hóa, vệ sinh môi trường, ăn uống, vui chơi, giải trí và các hoạt động khác trong phạm vi chợ phù hợp với các quy định của pháp luật và theo hướng ngày càng văn minh hiện đại;

- Tổ chức thu, nộp tiền thuê, sử dụng điểm kinh doanh của thương nhân và các loại phí, lệ phí về chợ theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thông tin kinh tế - xã hội, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các chính sách, các quy định của pháp luật và nghĩa vụ đối với Nhà nước của thương nhân kinh doanh tại chợ; tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội tại chợ;

- Chịu trách nhiệm quản lý tài sản và kết quả tài chính của Ban Quản lý chợ theo quy định của pháp luật;

- Tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh của chợ và báo cáo định kỳ cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định.

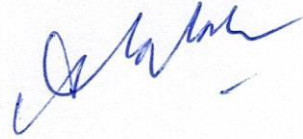
Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng phòng Kinh tế thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành thị xã có liên quan, Chủ tịch UBND xã Hiệp Thạnh căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 11/05/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Duyên Hải./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. TXU, TT. HĐND thị xã (b/c);
- CT, các PCT. UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC (Tc).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Lánh

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/08/2023

Số: 08.23.1057 - 1

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HIỆP THẠNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **CHỢ HIỆP THẠNH**
Áp Cây Đa, xã Hiệp Thành, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 16/08/2023 Ngày trả kết quả: 25/08/2023
- Loại mẫu: **Ồn** Số lượng: **02**
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1608.CHT.KK01	Khuôn viên nhà lồng chợ
1608.CHT.KK02	Khu vực cách chợ khoảng 100m theo hướng gió

- Phương pháp quan trắc:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878 – 2:2018

- Kết quả:

Kết quả	Thông số
	Tiếng ồn (dBA)
1608.CHT.KK01	69,5
1608.CHT.KK02	62,0

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
 - (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
 - (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
 - (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
 - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm

Giám đốc PACIFIC

Dinh Bảo Liên

Lê Thị Ngọc Huyền

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/08/2023

Số: 08.23.1057 - 2

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HIỆP THẠNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **CHỢ HIỆP THẠNH**
Áp Cây Đa, xã Hiệp Thành, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 16/08/2023 Ngày trả kết quả: 25/08/2023
- Loại mẫu: Không khí Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
1608.CHT.KK01	Khuôn viên nhà lồng chợ
1608.CHT.KK02	Khu vực cách chợ khoảng 100m theo hướng gió

6. Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

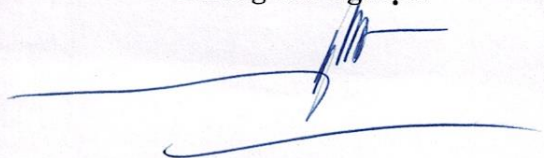
Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995
2.	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995
3.	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009
4.	CO	mg/m ³	HD - CO

7. Kết quả:

Kết quả	Thông số			
	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
	(mg/m ³)			
1608.CHT.KK01	0,075	0,068	0,060	5,24
1608.CHT.KK02	0,070	0,067	0,062	5,50

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
 - (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
 - (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
 - (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
 - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Dinh Bảo Tiến



Giám đốc PACIFIC

Lê Thị Ngọc Huyền

Trang: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/08/2023

Số: 08.23.1057 - 3

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HIỆP THẠNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **CHỢ HIỆP THẠNH**
Ấp Cây Đa, xã Hiệp Thành, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 16/08/2023 Ngày trả kết quả: 25/08/2023
- Loại mẫu: Nước mặt Số lượng: 01
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/ lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
1608.CHT.NM01	Nước mặt Sông Giăng	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994-1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 8880:2011	Mẫu nước trong/2lít

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				1608.CHT.NM01
1.	pH ^(*)	--	TCVN 6492:2011	6,74
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	40,0
3.	BOD ₅	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	16,3
4.	NH ₄ ⁺ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	1,10
5.	NO ₃ ⁻ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	5,64
6.	PO ₄ ³⁻	mg/L	TCVN 6202:2008	0,858
7.	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2017	KPH (MDL=0,3)
8.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4.000

- Ghi chú:**
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.
 - (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
 - (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
 - (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
 - Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
 - KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm

[Signature]

Dinh Bảo Tiến



Giám đốc PACIFIC

[Signature]

Lê Thị Ngọc Huyền

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 25/08/2023

Số: 08.23.1057 - 4

- Khách hàng: **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HIỆP THẠNH**
- Địa điểm lấy mẫu: **CHỢ HIỆP THẠNH**
Áp Cây Đa, xã Hiệp Thành, Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/
nhận mẫu: 16/08/2023 Ngày trả kết quả: 25/08/2023
- Loại mẫu: Nước thải Số lượng: 01
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp quan trắc/lấy mẫu	Tình trạng/ thể tích mẫu
1608.CHT.NT01	Nước thải tại khu vực chợ	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016, TCVN 8880:2011	Mẫu nước vàng nhạt ít cặn 2lit

6. Kết quả:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc/ thử nghiệm	Kết quả
				1608.PHH.NT01
1.	pH ^(*)	--	TCVN 6492:2011	6,30
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	84,5
3.	BOD ₅	mgO ₂ /L	TCVN 6001-1:2008	110
4.	NH ₄ ⁺ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017	12,4
5.	NO ₃ ⁻ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	40,0
6.	PO ₄ ³⁻	mg/L	TCVN 6202:2008	8,60
7.	S ²⁻ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017	1,20
8.	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	8,50
9.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	11.000

Ghi chú: - Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.

- (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.

- (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

- (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.

- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).

- KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng thử nghiệm



Dinh Bảo Liên



Giám đốc PACIFIC



Lê Thị Ngọc Huyền

Trang: 1/1

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 303

(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Trụ sở chính:

Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Lê Thị Ngọc Huyền Chức vụ: Giám đốc

CCCD số 079193012135 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21 tháng 12 năm 2021

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày tháng năm 2022

Đến ngày tháng năm 2025

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 03 thông số

2. Khí

- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 08 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 15 thông số	Đo tại hiện trường: 12 thông số

3. Đất:

Lấy mẫu: 01 thông số

4. Trầm tích:

Lấy mẫu: 01 thông số

5. Bùn thải:

Lấy mẫu: 01 thông số

6. Chất thải rắn:

Lấy mẫu: 01 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:	36 thông số
- Nước dưới đất:	33 thông số
- Nước biển:	22 thông số
- Nước thải:	32 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh:	07 thông số
- Khí thải:	12 thông số

Đất: 14 thông số

Trầm tích: 10 thông số

Bùn thải: 12 thông số

Chất thải rắn: 11 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận:

1. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

Địa chỉ: Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực: **Quan trắc môi trường** (Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Số đăng ký: 303/TN-QTMT.

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình thí điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “**Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC**”, địa chỉ tại Số 115 đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký **303/TN-QTMT**) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số **VIMCERTS 303**) theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Công ty Cổ phần Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TNMT TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (09).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

ĐÔNG

SƠ ĐỒ TRUNG TÂM CHỢ HIỆP THẠNH

